

Bản tin chứng khoán

Trong số này

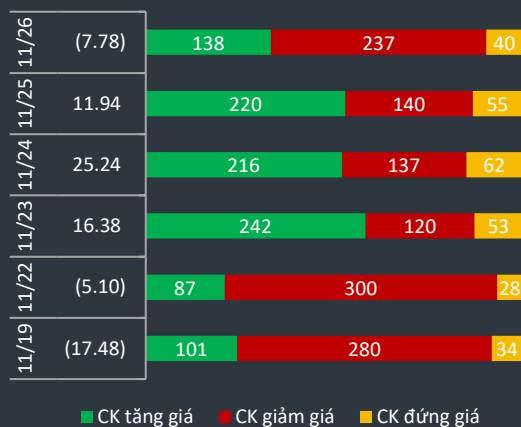
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Thị trường kết thúc phiên cuối tuần bằng phiên điều chỉnh khiến Vnindex mất mốc 500 thiết lập chỉ 1 ngày trước đó. Từ mốc 1452 cuối tuần trước, thị trường đã bùng nổ chỉ trong vài phiên và chinh phục ngưỡng 1500 khá dễ dàng nhờ vào lực đẩy từ nhóm cổ phiếu ngân hàng. Nhóm blue chip thì phân hóa và không đồng thuận và chưa thấy dòng tiền chuyển biến ở nhóm VN30.

Trong những cổ phiếu tăng điểm tốt nhất trong tuần qua xuất hiện khá nhiều cổ phiếu ngân hàng như VIB, STB, TPB, VPB, VCB, SHB, MBB. Nhiều cổ phiếu lập đỉnh mới như OCB, TPB với thanh khoản cực lớn và giao dịch sôi động. Tuy nhiên phiên cuối tuần lại chứng kiến làn sóng chốt lời mạnh ở hàng loạt mã như VBB, HDB, TPB, CTG và chỉ còn vài mã ngân hàng xanh nhẹ cuối ngày như VPB, STB, VIB.

Nhóm chứng khoán cũng điều chỉnh mạnh ở hàng loạt cổ phiếu tăng nóng đợt rồi như APS, PSI, MBS, VND, SSI, VCI Chỉ có khoảng 4 mã chứng khoán tăng trong ngày trong đó có HCM, BMS, EVS.

Cổ phiếu thép đi ngược thị trường và nhiều cổ phiếu vẫn duy trì động lực tốt như SMC, TLH, TNI. Các mã lớn NKG tăng 2.8%, HSG 1.9%.

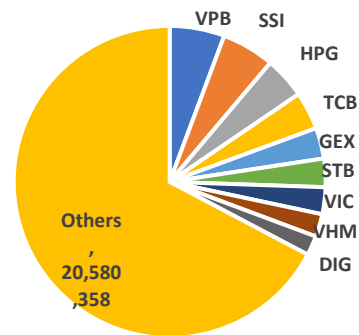
Có một chút lo ngại là cuối tuần qua thông tin về biến thể mới virus Omicron gây lo ngại toàn cầu và là một phần nguyên nhân khiến chứng khoán Mỹ mất hơn 900 điểm phiên thứ sáu. Giá hàng hóa trong tuần qua cũng biến động rất mạnh trong đó có dầu và kim loại. Phiên cuối tuần, thông tin về sự xuất hiện của virus Covid-19 biến thể mới gây hoảng loạn thị trường. Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đặt tên cho biến thể mới là Omicron, đồng thời tuyên bố đây là biến thể "đáng quan ngại". Nhằm ngăn chặn nguy lây nhiễm biến thể mới, nhiều nước đã ban hành lệnh tạm thời ngừng hoạt động vận tải hàng không từ Nam Phi và các nước thuộc khu vực miền Nam châu Phi. Giá dầu giảm mạnh trong phiên cuối tuần, tính chung cả tuần cũng giảm tuần thứ 5 liên tiếp, với mức giảm mạnh nhất kể từ tháng 4/2020 do Mỹ và một số nước tiêu thụ dầu lớn dự định giải phóng dầu dự trữ quốc gia.

Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

VNM		50.26
LPB		23.43
DCM		22.24
BID		19.45
KDH		16.17
OCB		8.85
FCN		5.85
FUESSVFL		5.73
VRE	(89.30)	
HCM	(110.46)	
VIC	(120.96)	
NLG	(133.81)	
HPG	(139.50)	
VPB	(563.76)	

Vnindex 1,493.03

▼ -7.78 (-0.52%)



Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
VIC	98.5	4,500	4.79
VPB	39.2	1,200	3.16
PDR	95.8	1,600	1.70
NVL	110.7	1,700	1.56
VNM	88.3	800	0.91
VIB	45.0	350	0.78
STB	30.9	200	0.65
BID	45.5	100	0.22
HVN	23.9	50	0.21
REE	67.0	100	0.15
MSN	157.5	-	-
DHG	99.5	(100)	(0.10)
HPG	49.1	(200)	(0.41)
VHM	83.3	(600)	(0.72)
FPT	98.9	(1,100)	(1.10)
BCM	54.0	(700)	(1.28)
BVH	62.2	(900)	(1.43)
VRE	30.4	(450)	(1.46)
ACB	34.6	(550)	(1.56)
TCB	54.0	(900)	(1.64)
GAS	102.0	(1,900)	(1.83)
VJC	129.5	(2,500)	(1.89)
MBB	30.3	(600)	(1.94)
VCB	105.0	(2,100)	(1.96)
PLX	56.8	(1,200)	(2.07)
POW	13.6	(300)	(2.17)
GVR	37.0	(850)	(2.25)
MWG	141.5	(3,500)	(2.41)
CTG	34.3	(850)	(2.42)
PNJ	101.5	(2,600)	(2.50)
SSI	53.5	(1,500)	(2.73)
SAB	160.2	(4,800)	(2.91)
TPB	47.5	(1,700)	(3.46)
HDB	31.4	(1,150)	(3.54)

Thị trường tuần mới có thể ít nhiều bị ảnh hưởng từ sự rung lắc của thị trường toàn cầu. Thị trường trong nước cũng đã có đợt bức tốc rất mạnh tuần trước vì vậy không ngạc nhiên sẽ có vài phiên điều chỉnh mạnh do áp lực chốt lời. Tuy nhiên việc điều chỉnh sẽ không quá dài và sâu xuống dưới 1450. Ngoài ra dòng tiền mạnh sẽ chờ đợi đỡ giá bên dưới khi cổ phiếu rơi chạm các vùng hỗ trợ. Nhà đầu tư có thể tận dụng các nhịp điều chỉnh để tích lũy trở lại cổ phiếu đặc biệt là các nhóm cổ phiếu ngân hàng, chứng khoán, bất động sản, dệt may, thép.

Cổ phiếu quan tâm

Cổ phiếu tiếp tục nắm giữ trung và dài hạn: FPT, MWG, DGW, STK, OCB, TCB, SSI, DPR, MBB, FRT.

Cổ phiếu đang tăng tốt – tiếp tục nắm giữ: VCI, HCM, VND, GVR, APS, TCM, ACB, STB, VPB, TPB.

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng Cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
TCB	54.0	3.3	50	75	Mua quanh 53-55. Mục tiêu 75	11/24/2021	-1.8%
DPM	50.3	9.3	44	60	Mua quanh 47-48. Mục tiêu 60	11/23/2021	2.7%
DCM	38.1	6.1	32	45	Mua quanh 35-36. Mục tiêu 45	11/23/2021	4.4%
HSG	39.8	6.0	35	50	Mua quanh 38-39. mục tiêu 50	11/23/2021	3.4%
TCM	79.5	(2.7)	60	85	Mua quanh 75, nắm giữ	10/6/2021	24.2%
PET	30.0	(6.4)	25	35	Mua vào quanh 28, mục tiêu 35	10/6/2021	7.1%
LCG	20.1	7.8	15	24	Mua vào quanh 18	9/28/2021	43.6%
DPR	80.7	(2.5)	57	95	Mua vào quanh 80, nắm giữ	9/21/2021	20.4%
GVR	37.0	(2.0)	28	47	Nắm giữ, mục tiêu 47	7/12/2021	25.9%
HCM	48.7	4.5	44	60	Nắm giữ	7/12/2021	43.2%
VCI	78.6	6.2	47	80	Nắm giữ, Mua thêm quanh 65	7/12/2021	60.4%
SSI	53.5	10.3	45	60	Nắm giữ	7/12/2021	62.1%
MBB	30.3	7.1	25	35	Nắm giữ, mục tiêu 32	7/12/2021	4.5%
OCB	30.4	14.3	20	30	Nắm giữ, Mua thêm quanh 20-22	7/12/2021	32.2%
HPG	49.1	2.2	44	65	Nắm giữ, mua thêm nếu giá về 50	7/12/2021	9.1%
DGW	134.5	(1.1)	120	150	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 110	3/3/2021	169.0%
REE	73.0	(0.1)	50	80	Chốt lãi	7/12/2021	43.1%
IDC	87.0	(9.1)	45	85	Chốt lãi	9/21/2021	74.0%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

SVT	6.84
KHP	6.85
TLH	6.86
SJF	6.87
HAX	6.88
DCL	6.88
KSB	6.88
TCR	6.89
FCN	6.90
LCG	6.93
CVT	6.95
SMC	6.99
HVG	12.82
DIC	13.33
CLG	13.79

Top tăng giá HNX

BCC	4.35
SJC	4.35
FID	5.13
LIG	5.95
PTI	8.37
SDA	8.80
BLF	8.89
MCO	9.09
TXM	9.09
CTX	9.47
GKM	9.55
TTZ	9.72
PVL	9.73
LDP	9.73
CEO	9.82
CMS	9.83
L14	9.97
PPP	10.00
SGO	13.04
DPS	13.04
HNH	13.08
ALV	13.56
LTC	14.00
PVX	14.00
MEC	14.58

NT2 - CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 - Tính riêng tháng 10, sản lượng điện gấp đôi cùng kỳ lên 261 triệu KWH, ứng với 73% kế hoạch tháng. Doanh thu bán điện đạt hơn 517 tỷ đồng, gấp đôi cùng kỳ và bằng 84% chỉ tiêu tháng.

CAV - CTCP Dây cáp điện Việt Nam - Ngày 24/11, HĐQT đã thông qua việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%. Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức vào 13/12/2021 và thanh toán bắt đầu từ ngày 23/12/2021.

TTF - Công ty cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành - Sẽ phát hành gần 59,5 triệu cp với giá 10.000 đồng/cp cho 19 nhà đầu tư, gồm 18 nhà đầu tư là các cá nhân và 1 nhà đầu tư tổ chức duy nhất là CTCP Đầu tư phân phối Satico. Các cổ phiếu phát hành trong đợt này là cổ phiếu ưu đãi (với mức cổ tức cố định là 12%/năm) có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại bất kỳ thời điểm nào với tỷ lệ 1:1.

BCM - Tổng CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - Ngày 25/11, HĐQT đã thông qua việc trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 4%. Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức vào 13/12/2021 và thanh toán bắt đầu từ ngày 30/12/2021.

ASP - CTCP Tập đoàn Dầu khí An Pha - Ngày 08/12 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 09/12. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 5%, thanh toán bắt đầu từ ngày 24/12/2021.

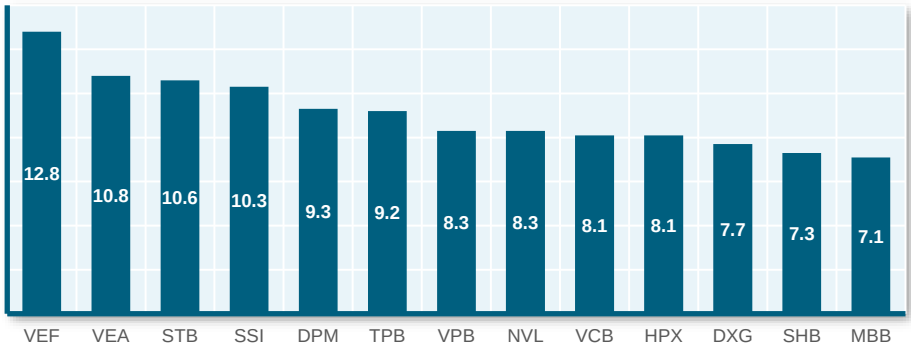
TA9 - CTCP Xây lắp Thành An 99 - Ngày 09/12 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 10/12. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 12%, thanh toán bắt đầu từ ngày 22/12/2021.

TMX - CTCP VICEM Thương mại xi măng - Ngày 29/11 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 30/11. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 8%, thanh toán bắt đầu từ ngày 15/12/2021.

TKU - CTCP Công nghiệp Tungkuang - Công ty dự kiến phát hành 6,46 triệu cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 20%, tương ứng tỷ lệ thực hiện 1.000:200, tức cổ đông sở hữu 1.000 cổ phiếu sẽ được nhận 200 cổ phiếu mới. Số cổ phiếu lẻ thập phân (nếu có) sẽ hủy bỏ. Nguồn vốn phát hành là quỹ đầu tư phát triển. Ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền là ngày 6/12/2021.



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thông kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VPB	UPCOM	39.2	44,749,100	7.8	1.6	-	14,469,100	174,263	18.76	5,056	24,447
VIB	HOSE	45.0	4,182,200	8.0	3.3	9,000	15,300	69,891	20.50	5,638	13,552
VCB	UPCOM	105.0	879,600	19.0	3.7	31,600	119,200	389,432	23.65	5,532	28,293
VBB	HNX	20.0	186,537	24.1	1.7	-	-	9,554	0.01	830	11,579
VAB	HOSE	19.4	1,199,878	16.2	1.4	-	-	8,632	29.51	1,196	13,597
TPB	HOSE	47.5	3,319,200	10.4	2.5	600	30,400	55,654	29.65	4,565	18,925
TCB	HOSE	54.0	21,915,600	11.7	2.3	-	-	189,589	22.47	4,614	23,938
STB	UPCOM	30.9	29,138,700	16.1	1.8	1,079,000	1,292,000	58,159	17.16	1,922	16,846
SSB	HOSE	40.8	2,039,200	23.7	3.3	-	-	54,774	0.02	1,723	12,310
SHB	HOSE	25.0	13,093,400	11.5	1.8	2,400	60,800	53,099	3.66	2,183	14,014
SGB	HNX	20.2	362,854		1.7	-	-	6,222	4.96	344	12,114
PGB	HOSE	37.2	345,599	50.3	2.7	100	-	11,160	15.00	739	13,529
OCB	HNX	30.4	8,216,900	8.0	1.7	916,600	627,700	41,644	21.92	3,799	17,827
NVB	HOSE	29.6	396,045	144.4	2.8	-	107,900	12,041	8.43	205	10,726
NAB	HOSE	24.2	727,598	7.2	1.5	7,700	-	11,046	0.03	3,367	16,324
MSB	HOSE	27.8	10,632,100	8.4	1.6	-	-	42,388	30.00	3,291	17,552
MBB	HOSE	30.3	16,768,600	7.8	1.5	1,507,247	1,602,047	114,483	23.24	3,897	19,986
LPB	HOSE	23.9	16,928,300	9.2	1.7	1,014,100	46,500	28,766	3.93	2,591	14,466
KLB	HOSE	24.6	139,745	12.1	1.7	-	-	8,892	0.02	2,035	14,117
HDB	HOSE	31.4	7,905,600	8.1	1.8	299,500	2,489,300	62,456	17.57	3,854	17,399
EIB	HOSE	28.8	945,300	33.0	2.0	6,300	104,100	35,408	29.65	874	14,061
CTG	HOSE	34.3	15,203,800	7.8	1.4	1,466,600	1,310,800	164,837	25.12	4,394	25,028
BVB	HOSE	25.1	4,736,152	21.7	2.0	3,100	1,000	9,214	0.09	1,157	12,737
BID	HOSE	45.5	4,132,100	18.1	2.2	1,364,200	934,900	182,801	16.66	2,512	21,036
BAB	HOSE	24.8	68,254	26.1	2.0	-	-	18,678	-	950	12,242
ACB	HOSE	34.6	6,209,000	7.5	2.3	2,307,225	2,307,325	93,487	30.00	4,621	14,945
ABB	HOSE	23.5	3,107,531	8.4	1.4	-	-	13,426	30.00	2,801	16,671
			217,528,893	20.25	2.05	10,015,272	25,518,372	1,919,997		2,766	16,602



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	CMD	UPCoM	23/12/2021	24/12/2021	12/1/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	PHN	HNX	23/12/2021	24/12/2021	10/1/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	VSI	HOSE	14/12/2021	15/12/2021	30/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	SHI	HOSE	10/12/2021	13/12/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 2:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
5	MSH	HOSE	9/12/2021	10/12/2021	24/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 4,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	MST	HNX	9/12/2021	10/12/2021	24/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	MST	HNX	9/12/2021	10/12/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:4	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
8	QPH	UPCoM	8/12/2021	9/12/2021	28/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	ASP	HOSE	8/12/2021	9/12/2021	24/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	BCG	HOSE	6/12/2021	7/12/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 2:1, giá 12,000 đồng/CP	Phát hành thêm
11	DRL	HOSE	3/12/2021	6/12/2021	22/12/2021	Trả cổ tức đợt 3/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	GND	UPCoM	3/12/2021	6/12/2021	22/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	HPP	UPCoM	2/12/2021	3/12/2021	20/01/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	SEB	HNX	2/12/2021	3/12/2021	16/12/2021	Trả cổ tức đợt 3/2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	SBM	UPCoM	1/12/2021	2/12/2021		Trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:5	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
16	TNW	UPCoM	30/11/2021	1/12/2021	15/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 570 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	IHK	UPCoM	30/11/2021	1/12/2021	15/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	TCD	HOSE	30/11/2021	1/12/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
19	MA1	UPCoM	30/11/2021	1/12/2021	15/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	CLH	HNX	30/11/2021	1/12/2021	15/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	KDC	HOSE	30/11/2021	1/12/2021		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10	Thưởng cổ phiếu
22	QTC	HNX	29/11/2021	30/11/2021	15/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	THP	UPCoM	29/11/2021	30/11/2021	20/01/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	SBA	HOSE	29/11/2021	30/11/2021	15/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	SGR	HOSE	29/11/2021	30/11/2021	20/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	FCM	HOSE	29/11/2021	30/11/2021	14/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 250 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	FCM	HOSE	29/11/2021	30/11/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
28	SEP	UPCoM	29/11/2021	30/11/2021	27/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



Tổng hợp kết quả kinh doanh Q3.2021

Ngành	Số DN	DT 9T.2020	DT 9T.2021	%	LN 9T.2020	LN 9T.2021	%
Ngân hàng	27	198,839.82	258,217.79	29.9%	75,681.66	109,596.51	44.8%
Bất động sản	79	184,251.23	231,588.94	25.7%	29,047.18	43,326.16	49.2%
Dịch vụ tài chính	39	18,811.40	34,391.88	82.8%	4,065.13	12,078.97	197.1%
Dầu khí	22	272,421.96	332,746.37	22.1%	2,927.65	14,305.20	388.6%
Thực phẩm và đồ uống	75	235,815.68	251,010.55	6.4%	20,759.15	21,700.93	4.5%
Sản xuất và KD Thép	26	170,680.56	253,124.22	48.3%	9,969.25	35,433.69	255.4%
Bất động sản KCN	21	34,477.69	41,022.64	19.0%	5,523.15	7,474.69	35.3%
Điện	43	113,909.05	93,270.96	-18.1%	6,746.48	10,271.53	52.3%
Vận tải - Logistics	73	69,641.33	84,393.96	21.2%	4,567.27	7,087.62	55.2%
Công nghệ Thông tin	19	27,754.20	31,441.29	13.3%	2,746.08	3,226.76	17.5%
Vật liệu xây dựng	41	39,182.16	41,188.56	5.1%	3,360.53	3,735.53	11.2%
Bảo hiểm	12	44,114.42	47,818.64	8.4%	3,138.99	3,967.79	26.4%
Phân bón	13	26,744.35	36,070.62	34.9%	25.91	2,392.16	9132.5%
Xây dựng	113	113,332.43	122,912.58	8.5%	6,146.17	5,131.11	-16.5%
Y tế	35	38,315.15	35,467.99	-7.4%	2,125.84	2,229.91	4.9%
Hóa chất	24	32,936.63	47,082.16	42.9%	1,767.42	2,580.47	46.0%
Nước	48	16,177.90	16,359.90	1.1%	2,097.46	2,345.69	11.8%
Hàng cá nhân & Gia dụng	30	35,690.97	36,240.25	1.5%	1,933.16	1,910.13	-1.2%
Dệt May	21	40,979.66	42,409.79	3.5%	1,183.75	2,031.11	71.6%
Thủy sản	23	41,516.25	44,539.74	7.3%	1,929.57	2,157.15	11.8%
Khoáng sản	30	46,601.30	56,333.45	20.9%	762.00	1,065.63	39.8%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	69	59,365.08	67,950.53	14.5%	7,089.88	8,602.05	21.3%
Tài nguyên Cơ bản	19	17,407.79	21,540.43	23.7%	473.80	1,298.03	174.0%
Bán lẻ	23	135,505.76	150,335.61	10.9%	3,311.69	4,719.81	42.5%
Cao su	13	2,861.45	3,884.68	35.8%	314.82	730.75	132.1%
Truyền thông	28	5,963.07	6,134.91	2.9%	439.38	609.73	38.8%
Ô tô và phụ tùng	11	27,097.78	25,469.26	-6.0%	644.48	538.95	-16.4%
Bao bì	16	14,803.44	20,276.07	37.0%	576.74	271.83	-52.9%
Xây dựng và Vật liệu	59	22,218.41	21,591.16	-2.8%	1.88	223.43	11763.2%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	5	5,102.99	5,239.13	2.7%	48.41	83.41	72.3%
Viễn thông	5	25,840.95	25,954.55	0.4%	2,844.94	1,313.18	-53.8%
Du lịch và Giải trí	28	12,473.61	10,452.49	-16.2%	(16.79)	(222.92)	
Tổng Cộng	1090	2,130,834.48	2,496,461.13	17.2%	202,233.03	312,217.00	54.4%



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931